

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2023/HNGĐ - ST

Ngày 25 tháng 7 năm 2023

(V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phan Thị Nhiên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thanh Tân – Phó hiệu trưởng trường tiểu học Y I.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng – Trưởng phòng dân số huyện Y.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vinh Quy – Thẩm tra viên tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở TAND huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Chị Thái Thị Hoàng Y**, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện H, tỉnh H. (có mặt).

* **Bị đơn:** **Anh Bùi Xuân L**, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt).

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 20/01/2018 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Q: Chị Thái Thị Hoàng Y và anh Bùi Xuân L, là bố, mẹ (chị Y có mặt, anh L vắng mặt).

Đều có địa chỉ: thôn T, xã S, huyện H, tỉnh H.

* **Người làm chứng:** Ông Thái Thiên S, sinh năm 1955; Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện H, tỉnh H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Y và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 20 tháng 4 năm 2017. Kết hôn xong chị Y và anh L chung sống tại thôn T, xã T, huyện Y, trong thời gian chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, không hiểu nhau dẫn đến bất đồng, cãi vã nên không có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, mâu thuẫn ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã chính thức ly thân từ tháng 02 năm 2023 đến nay, chị Y đã mang con về nhà mẹ đẻ sống.

Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh L, anh L nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Y và anh L có 01 con chung là Bùi Minh Q, sinh ngày 20/01/2018. Hiện nay cháu Q đang ở với chị Y. Ly hôn nguyện vọng của chị Y xin được nuôi con chung là cháu Q đến khi cháu thành niên không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của anh L nếu chị Y muốn nuôi cháu Q thì anh cũng đồng ý và sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của anh.

Chị Y hiện mở cửa hàng kinh doanh bán quần áo tại nhà và bán online thu nhập bình quân khoảng 20.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị Y và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người làm chứng*: Ông Thái Thiên S là bố đẻ của chị Y trình bày: Việc kết hôn và con chung của chị Y và anh L như chị Y và anh L trình bày, còn về mâu thuẫn vợ chồng theo ông S vì ông không sống chung cùng chị Y và anh L nên không nắm được, chỉ biết từ tháng 2/2023 chị Y mang con về sống cùng gia đình ông và không về chung sống với anh L nữa. Nay chị Y xin ly hôn anh L, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh L, nếu Tòa án giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng thì ông và gia đình ông sẽ phụ giúp chị Y trong việc trông nom, đưa đón, hỗ trợ về chỗ ở và tiền ăn.

* UBND xã T cung cấp: Việc kết hôn, chung sống, mâu thuẫn, con chung của chị Y và anh L như anh chị trình bày, chị Y xin ly hôn anh L, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai bên.

Tại phiên tòa, chị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX cho chị được nuôi dưỡng con chung là Bùi Minh Q, chị Y tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị bán hàng quần áo mức thu nhập từ 20.000.000 đồng/ tháng. Sau khi ly hôn anh L có quyền thăm và chăm sóc con chung chị không ngăn cản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, các đương sự trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Y có mặt, anh L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh. Do vậy đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị xét xử cho chị Y được ly hôn anh L; Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y và anh L. Ly hôn giao cho chị Y được nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 20/01/2018 đến khi cháu thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác của chị Y và anh L: Cả hai không đề nghị giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Xuân L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt nhưng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX, xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Y khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ giải quyết ly hôn anh L nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L là bị đơn có HKTT và cư trú tại xã T, huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Hoàng Y kết hôn với anh Bùi Xuân L vào ngày 20/4/2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, dẫn đến bất đồng và cãi chửi nhau, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 02/2023 đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống, kinh tế độc lập. Cả chị Y và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị Y xin ly hôn, anh L nhất trí ly hôn. Do vậy, HĐXX thấy mẫu thuẫn vợ chồng của chị Y và anh L đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Y được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Y và anh L công nhận vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 20/01/2018. Ly hôn chị Y xin được nuôi dưỡng cháu Q đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, anh L nhất trí. HĐXX xét thấy, sự thỏa thuận của chị Y, anh L là tự nguyện, do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho chị Y khi nuôi con nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của chị Y và anh L giao cho chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, xong anh L được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản, chị Y là đại diện hợp pháp của cháu Q là phù hợp với quy định tại các Điều 81; 82; 83, 84 và 73 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị Y và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 73 Luật hôn nhân và gia đình;. Xử:
2. Về quan hệ vợ chồng: Chị Thái Thị Hoàng Y được ly hôn anh Bùi Xuân L.

3. Về con chung: Giao cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 20/01/2018 cho chị Y được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu đến khi cháu thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Chị Y là đại diện hợp pháp cho cháu Q.

Vì lợi ích của con chung chị Y, anh L, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác của vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thái Thị Hoàng Y phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn) tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009449 ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, chị Y đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Y;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên